

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/DS-ST

Ngày 27-11-2018

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
giữa Ngân hàng với ông Phan Văn T”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngải và bà Nguyễn Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong: Bà Thái Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng p Việt Nam; địa chỉ: Số 25A Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tài T – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị (văn bản ủy quyền số 991/NHPT.TTH-QT.KTr ngày 25/12/2017 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị); có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1959 (vợ ông Phan Văn T); nơi cư trú: Thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

+ Anh Phan Hai T, sinh năm 1984 (con ông Phan Văn T); nơi cư trú: Thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

+ Chị Phan Thị Sáu S, sinh năm 1985 (con ông Phan Văn T); nơi cư trú: Thôn Thọ Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt

+ Anh Phan Văn T, sinh năm 1989 (con ông Phan Văn T); nơi cư trú: Thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

- + Chị Phan Thị Vân L, sinh năm 1990 (con ông Phan Văn T); nơi cư trú: Đội 6, thôn Mai Xá Chánh, xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- Đại diện theo uỷ quyền của bà Q, anh T, chị S, anh T, chị L: Ông Phan Văn T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (văn bản uỷ quyền ngày 08 tháng 06 năm 2018); có mặt
- + Ông Phan Văn Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- + Bà Hồ Thị H, sinh năm 1971 (vợ ông Phan Văn Th); nơi cư trú: Thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- + Chị Phan Thị Thanh X, sinh năm 1996 (con ông Phan Văn Th); nơi cư trú: Thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt
- + Anh Phan Trung S, sinh năm 1998 (con ông Phan Văn Th); nơi cư trú: Thôn Xa Ry, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018, biên bản hòa giải ngày 26/7/2018, ngày 17/8/2018 và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng p Việt Nam trình bày:

Hộ ông Phan Văn T được Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) cho vay vốn để đầu tư dự án nuôi tôm sú theo Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 với số tiền vay là 80.000.000 đồng; thời hạn vay 68 tháng; lãi suất trong hạn 5,4%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất nợ trong hạn. Theo hợp đồng tín dụng thì hộ gia đình ông Phan Văn T bắt đầu trả nợ từ tháng 8 năm 2002, mỗi năm trả 13.300.000 đồng, kỳ cuối cùng trả nợ vào tháng 8/2007 trả 13.500.000 đồng.

Tháng 8 năm 2002, hộ ông Phan Văn T chỉ trả cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị số tiền gốc 11.439.000 đồng, tiền lãi 2.061.000 đồng. Năm 2003 và 2004 hộ ông T không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời có đơn xin gia hạn thời gian trả nợ của dự án do tôm bị dịch bệnh. Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị đã chấp thuận gia hạn số tiền trả nợ trong năm 2004 sang trả trong năm 2005 và kéo dài thời gian trả nợ đến tháng 8 năm 2008 (theo Phụ lục hợp đồng số 43/2004/PL-HĐTD ngày 16/9/2004).

Từ năm 2005 trở đi, hoạt động sản xuất của gia đình tiếp tục thua lỗ do thiên tai và dịch bệnh, hộ ông Phan Văn T không trả được nợ theo hợp đồng đã ký kết. Nhằm tạo điều kiện cho hộ gia đình khắc phục khó khăn và ổn định sản xuất kinh doanh, Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị đã trình Ngân hàng P Việt Nam đồng ý cho khoan nợ đối với khoản tiền vay, thời gian khoan nợ từ tháng 10/2006 đến tháng 3/2008.

Từ năm 2008 dự án ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, hộ ông Phan Văn T không trả được nợ vay đầy đủ, đúng hạn theo hợp đồng tín dụng. Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị đã nhiều lần thông báo, làm việc trực tiếp để yêu cầu hộ ông T

trả nợ nhưng hộ gia đình không thực hiện. Từ tháng 5 năm 2011 đến nay, phía Ngân hàng nhiều lần yêu cầu hộ gia đình phối hợp để xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ vay, tuy nhiên hộ gia đình đã không phối hợp để xử lý tài sản. Hộ ông T liên tục vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên vi phạm cam kết tại Điều 6, Điều 8, Điều 13 Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, cũng như vi phạm Điều 3 Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001 và Điều 3 Phụ lục Hợp đồng bảo đảm khoản tiền vay hình thành từ vốn vay số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001, về xử lý tài sản thế chấp khi bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Do đó, Ngân hàng P Việt Nam khởi kiện hộ ông Phan Văn T và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc hộ ông Phan Văn T thanh toán tổng số nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 27/11/2018 là 138.451.627 đồng, trong đó: Nợ gốc 68.561.000 đồng; nợ lãi 69.890.627 đồng (lãi trong hạn 42.249.323 đồng; lãi quá hạn 27.641.304 đồng).

- Đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, tài sản xử lý gồm: Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 cho hộ ông Phan Văn T.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 02/7/2018, ngày 18/9/2018; biên bản hòa giải ngày 26/7/2018, ngày 17/8/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Văn T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Q, anh T, chị S, anh T, chị L trình bày:

Ông Phan Văn T thừa nhận hộ ông T còn nợ Ngân hàng P Việt Nam với tổng số tiền nợ gốc và lãi vay đến ngày 27/11/2018 là 138.451.627 đồng, trong đó: Nợ gốc 68.561.000 đồng; nợ lãi 69.890.627 đồng (gồm nợ lãi trong hạn 42.249.323 đồng; nợ lãi quá hạn 27.641.304 đồng). Tuy nhiên, hiện nay hộ gia đình ông T quá khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản, ông T thừa nhận đã ký kết hợp đồng thế chấp với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị, tài sản đã thế chấp, tài sản xử lý gồm: Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 là của hộ ông Phan Văn Th, em ruột của ông T, ông T mượn bằng miệng với ông Th để thế chấp cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị, nên đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S đến phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Q, anh T, anh T, chị S, chị L) đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng p Việt Nam. Buộc hộ ông Phan Văn T phải trả cho Ngân hàng phát triển Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi 138.451.627 đồng (tiền gốc 68.561.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 27/11/2018 là 69.890.627 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng p Việt Nam về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB ngày 12/4/1999 do UBND huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Phan Văn Th, để đảm bảo trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 được ký kết giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị với hộ gia đình ông Phan Văn T.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án ngày 06 tháng 6 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/9/2018 ông Phan Văn T trình bày đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã thế chấp cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị là của ông Phan Văn Th (là em ruột ông T, ông T mượn ông Th bằng miệng để thế chấp cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ P tỉnh Quảng Trị nên Tòa án có thông báo số 86/TB-DS ngày 25/9/2018 về việc đưa ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H (là vợ ông Th, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S (là các con ông Th và bà H) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S nhưng ông Th, bà H, anh S, chị X đều từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án lập biên bản về việc từ chối nhận văn bản tố tụng

có xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông Th, bà H, chị X, anh S cư trú. Ngày 29/10/2018 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa ngày 15/11/2018 nhưng ông Th, bà H, anh S, chị X vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 27/11/2018. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn Th, bà Hồ Thị H, chị Phan Thị Thanh X, anh Phan Trung S vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) với ông hộ Phan Văn T được ký kết ngày 25/12/2001, thời điểm ký kết hợp đồng thì Bộ luật dân sự năm 1995 đang có hiệu lực pháp luật; thời hạn trả nợ cuối cùng là tháng 8/2008, thời điểm trả nợ cuối cùng thì Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức khác với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và có tranh chấp nên áp dụng điểm b khoản 2 Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội khóa XI; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng Bộ luật dân sự năm 1995 để giải quyết vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án:

Xem xét đối với khoản tiền vay: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 thì tại hợp đồng tín dụng thể hiện hộ ông Phan Văn T do ông Phan Văn T làm chủ hộ có vay của Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) số tiền 80.000.000 đồng. Mục đích vay là để xây dựng hồ nuôi tôm sú và mua sắm máy móc thiết bị nuôi tôm; thời hạn vay 68 tháng, thời hạn bắt đầu trả nợ là tháng 8/2002 và thời hạn trả nợ cuối cùng là tháng 8/2007, mỗi năm trả nợ gốc là 13.300.000 đồng, năm cuối cùng trả nợ là 13.500.000 đồng; mức lãi suất nợ trong hạn là 5,4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất nợ trong hạn. Theo quy định tại Điều 117, Điều 467, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 1995 thì việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị với hộ ông Phan Văn T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có hiệu lực pháp luật, do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên ngay sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vào ngày 21/8/2002 hộ ông T chỉ trả nợ gốc 11.439.000 đồng và tiền lãi 2.061.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi 13.500.000 đồng, sau đó hộ ông Phan Văn T không trả đầy đủ khoản nợ và lãi theo cam kết trong hợp đồng nên hộ ông T vi phạm các điều khoản của hợp đồng tín dụng đã ký kết về thanh toán lãi suất và nợ gốc. Mặc dù, phía Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị thấy hoàn cảnh hộ ông T khó khăn, nuôi tôm thua lỗ nên đã gia hạn số tiền trả nợ trong năm 2004 sang trả trong năm 2005, sau đó đồng ý cho khoan nợ đối với khoản tiền vay, thời gian khoan nợ từ tháng 10/2006 đến tháng 3/2008. Tuy nhiên, sau khi gia hạn thời gian trả nợ và khoan nợ, hộ ông Phan Văn T vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi, do đó Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị yêu cầu hộ ông T phải thanh toán khoản tiền gốc và lãi còn nợ, cụ thể: Khoản tiền gốc chưa thanh toán là 68.561.000

đồng; khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đó là lãi suất trong hạn 5,4%/năm, lãi suất quá hạn là 7,02%/năm (bằng 130% lãi trong hạn), là phù hợp quy định tại khoản 1, 5 Điều 471; khoản 1 Điều 473 Bộ luật dân sự năm 1995. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn T thừa nhận khoản tiền mà Ngân hàng p Việt Nam yêu cầu. Do đó, căn cứ vào Điều 119 Bộ luật dân sự năm 1995, cần buộc hộ ông Phan Văn T phải trả cho Ngân hàng p Việt Nam tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 138.451.627 đồng; gồm tiền gốc 68.561.000 đồng; tiền lãi 69.890.627 đồng (tiền lãi trong hạn là 42.249.323 đồng; tiền lãi quá hạn là 27.641.304 đồng).

Xem xét hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản tiền vay, giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế- Quảng Trị) với hộ ông Phan Văn T do ông Phan Văn T chủ hộ làm đại diện có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001, hợp đồng thế chấp thể hiện bên thế chấp là hộ ông Phan Văn T do ông Phan Văn T chủ hộ làm đại diện, bên nhận thế chấp là Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế- Quảng Trị), mục đích thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay 80.000.000 đồng, tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB (thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản) do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999, kèm theo hợp đồng thế chấp là đơn xin thế chấp tài sản và cam kết của đồng sở hữu của bà Lê Thị Q là vợ của ông Phan Văn T, hợp đồng thế chấp có xác nhận của UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, xem xét về tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất 1.896m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) của UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 là cấp cho hộ ông Phan Văn Th, diện tích đất 1.896 m² tại thôn Xuân Thành, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, gồm đất ở 200 m², đất vườn 400m² tại thửa số 326; đất hai lúa 533m² tại thửa 238/3; đất hai lúa 763 m² tại thửa 290/1 tờ bản đồ số 4. Theo ông Phan Văn T trình bày thì tài sản và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB (thể hiện ở trang đầu thì số của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là số O 675179) do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 không phải UBND huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Thành mà cấp cho hộ ông Phan Văn Th, là em ruột của ông Phan Văn T, ông T mượn ông Th để thế chấp cho Ngân hàng, mượn bằng miệng không có văn bản gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Triệu Độ, kết quả: Tại tờ bản đồ số 4, thửa 326, thửa 328/3, thửa 290/1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) ngày 12/4/1999 của UBND huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Phan Văn Th, theo sổ mục kê địa chính và bản đồ địa chính lưu trữ tại UBND xã Triệu Độ thì hiện nay hộ ông Phan Văn Th vẫn sử dụng các thửa đất này, ông Phan Văn Th là em ruột ông Phan Văn T.

Tại Công văn số 2627/UBND-TN ngày 10/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cũng khẳng định: Ngày 12/4/1999, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong

đã ban hành Quyết định số 73/QĐ-UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 240 hộ gia đình tại xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; trong đó thể hiện: Hộ ông Phan Văn Th có đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi Phan Văn Th và tên vợ Hồ Thị H, các thửa đất xin đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 326, 238/3, 290/1, tờ bản đồ số 4, diện tích là 1.896m²; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB.

Như vậy, đối chiếu với tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) của UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 mà ông Phan Văn T đã thế chấp cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) không thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phan Văn T mà thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phan Văn Th. Theo quy định tại khoản 1 Điều 346 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: Việc thế chấp tài sản là bên có nghĩa vụ dùng tài sản là bất động sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền. Tại Điều 727, Điều 728 Bộ luật dân sự năm 1995 cũng quy định: Hộ gia đình, cá nhân có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai thì có quyền thế chấp quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu trong trường hợp này, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phan Văn Th và không có văn bản nào thể hiện hộ ông Phan Văn Th đồng ý giao tài sản của mình cho hộ ông Phan Văn T, nhưng ông Phan Văn T đã thế chấp cho Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh Quảng Trị. Do đó, Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001 đã ký kết giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) với hộ ông Phan Văn T bị vô hiệu do nhầm lẫn theo quy định tại Điều 136, Điều 141 Bộ luật dân sự năm 1995, cả phía Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị và ông Phan Văn T đều có lỗi ngay từ khi xác lập hợp đồng thế chấp. Tại phiên tòa, ông T đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó cần tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001 đã ký kết giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) với hộ ông Phan Văn T bị vô hiệu. Trả lại cho ông Phan Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) ngày 12/4/1999 của UBND huyện Triệu Phong cấp cho hộ ông Phan Văn Th.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn Th không yêu cầu nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp ngày 12/4/1999 nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này hộ ông Phan Văn Th khởi kiện hộ ông Phan Văn T yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hộ ông Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng p Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119; Điều 467; khoản 1, 5 Điều 471; khoản 1 Điều 473 Bộ luật dân sự năm 1995; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng p Việt Nam. Buộc hộ ông Phan Văn T phải trả cho Ngân hàng p Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 với số tiền gốc là 68.561.000 đồng; tiền lãi là 69.890.627 đồng (trong đó lãi trong hạn: 42.249.323 đồng, lãi quá hạn: 27.641.304 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi: 138.451.000 đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hộ ông Phan Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất là các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 43/2001/HĐTD ngày 25/12/2001 đã ký kết giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (Nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) với hộ ông Phan Văn Th, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Áp dụng Điều 131; Điều 136; Điều 141; Điều 346; Điều 727, Điều 728 Bộ luật dân sự năm 1995: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2001/HĐTCTS ngày 25/12/2001 đã ký kết giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ p tỉnh Quảng Trị (nay là Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị) với hộ ông Phan Văn T vô hiệu.

Trả lại cho hộ ông Phan Văn T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 675179 (vào sổ đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00860 QSDĐ/73-QĐ/UB) ngày 12/4/1999 của UBND huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ ông Phan Văn Th.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Hộ ông Phan Văn T phải chịu 6.922.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng p Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng p Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.491.000 đồng theo biên

lai thu tiền số 0004302 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (số tiền tạm ứng án phí do Chi nhánh Ngân hàng p khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị nộp).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Q, anh T, chị S, anh T, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Th, bà H, chị X, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

